|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **QUẢNG NAM**  **HDC ĐỀ CHÍNH THỨC**  *(Gồm 05 trang)* | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI THPT CHUYÊN VÀ CHỌN ĐỘI TUYỂN DỰ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA**  **NĂM HỌC 2018 – 2019** |
|  | **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỊA LÍ** |
| *Lưu ý:*  *- Những bài thi nào có tham khảo tài liệu, đưa ra kiến thức đúng, phù hợp, làm cho phong phú hơn, sâu sắc hơn, thì cho điểm nhưng vẫn trong mức điểm tối đa đã quy định cho từng ý của câu.*  *- Nếu bài thi có cách làm riêng và đúng, vẫn chấm theo thang điểm quy định.* | |

| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1.**  **(3,0đ)** | ***a.*** | **Phân biệt hiện tượng giảm nhiệt độ không khí theo vĩ độ địa lí và theo độ cao địa hình trên Trái đất.** | ***1,5*** |
|  | - Tốc độ giảm nhiệt: Nhiệt độ không khí giảm theo độ cao nhanh hơn giảm theo vĩ độ (lên cao 100m giảm 0,60C, nhanh hơn nhiệt độ giảm trung bình theo 10 vĩ). | 0,5 |
| - Quá trình giảm nhiệt:  + Theo độ cao: Nhiệt độ giảm liên tục, không có sự gián đoạn. | 0,25 |
| + Theo vĩ độ: Nhiệt độ không khí giảm không liên tục, có sự gián đoạn. | 0,25 |
| - Nguyên nhân giảm nhiệt:  + Theo độ cao: Nhiệt độ không khí thay đổi do gia tăng phát xạ sóng dài của mặt đất (bức xạ nhiệt mặt đất càng tăng); càng lên cao không khí càng loãng, khả năng hấp thụ nhiệt càng giảm. | 0,25 |
| + Theo vĩ độ: Nhiệt độ không khí thay đổi phụ thuộc vào bức xạ Mặt trời và tính chất bề mặt đệm. | 0,25 |
| ***b.*** | **Chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời giữa hai chí tuyến ảnh hưởng tới dải áp thấp xích đạo và mùa của vùng nhiệt đới như thế nào?** | ***1,5*** |
|  | - Dải áp thấp xích đạo được hình thành chủ yếu do nhiệt lực, liên quan trực tiếp đến bức xạ mặt trời. | 0,25 |
| - Chuyển động biểu kiến hàng năm của mặt trời kéo theo sự dịch chuyển của dải áp thấp xích đạo về phía bán cầu mùa hạ. | 0,25 |
| + Vào tháng 1: Dải áp thấp xích đạo di chuyển xuống bán cầu Nam vì bán cầu Nam là BC mùa hạ. | 0,25 |
| + Vào tháng 7: Dải áp thấp xích đạo di chuyển lên bán cầu Bắc vì bán cầu Bắc là BC mùa hạ. | 0,25 |
| - Ảnh hưởng đến mùa ở vùng nhiệt đới:  + Từ 21/3 đến 23/9: Mặt Trời chuyển động biểu kiến lên BC Bắc nên bán cầu Bắc là mùa nóng, bán cầu Nam là mùa lạnh... | 0,25 |
| + Từ 23/9 đến 21/3 năm sau: Mặt Trời chuyển động biểu kiến xuống BC Nam nên bán cầu Nam là mùa nóng, bán cầu Bắc là mùa lạnh...  *(Trường hợp HS trình bày theo 4 mùa thì vẫn được chấp nhận)* | 0,25 |
| **2.**  **(2,0đ)** |  | **Những điểm khác nhau trong tình hình phát triển ngành dịch vụ ở các nước phát triển và đang phát triển**. | **2,0** |
|  | - Về quy mô: Ngành dịch vụ ở các nước phát triển thường có quy mô lớn hơn rất nhiều lần các nước đang phát triển. | 0,25 |
| - Về tỉ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP (hoặc cơ cấu lao động): Ở các nước phát triển cao hơn. | 0,25 |
| - Về cơ cấu ngành  + Nước phát triển: Có cơ cấu ngành đa dạng hơn, với đầy đủ 3 nhóm ngành. | 0,25 |
| + Sự khác nhau về cơ cấu dân số của 2 nhóm nước cũng kéo theo sự khác biệt trong cơ cấu dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ y tế, giáo dục. | 0,25 |
| - Về chất lượng dịch vụ:  + Nước phát triển có dịch vụ chất lượng và hàm lượng chất xám cao phát triển mạnh (tài chính, ngân hàng, bảo hiểm…). | 0,25 |
| + Nước đang phát triển có hàm lượng tri thức trong các ngành dịch vụ chưa cao.  *(Nếu HS nêu được sự phân bố dịch vụ thì cho 0,25 đ nhưng vẫn đảm bảo điểm tối đa của ý này)* | 0,25 |
| **\* Giải thích**  - Do sự tác động khác nhau của các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển ngành dịch vụ của mỗi nhóm nước. | 0,25 |
| - D/c: Trình độ phát triển của nền sản xuất, mức sống, mức gia tăng dân số, cơ cấu dân số, mức độ đô thị hóa. | 0,25 |
| **3.**  **(3,0đ)** | ***a.*** | **Chứng minh và giải thích sự đa dạng của địa hình ven biển nước ta** | ***1,5*** |
|  | - Đa dạng: Vịnh cửa sông, đầm phá, cồn cát, đảo ven bờ...  *(HS kể được 2 dạng cho 0,25đ, từ 3 trở lên cho điểm tối đa)* | 0,5 |
| - Giải thích: Địa hình ven biển của nước ta chịu tác động của nội lực và ngoại lực. | 0,25 |
| + Nội lực: Các hoạt động nâng cao và hạ thấp địa hình, bồi lấp các vùng trũng lục địa sát bờ, đứt gãy ven biển... | 0,25 |
| + Ngoại lực: Tác động của sóng, thủy triều, dòng biển, sông ngòi.  *(HS nêu được 1 nhân tố biển hoặc sông ngòi thì cho 0,25đ)* | 0,5 |
| ***b.*** | **Tại sao có sự phân hóa mưa trong mùa hạ ở nước ta?** | ***1,5*** |
|  | - Sự phân hóa mưa trong mùa hạ chịu tác động của nhiều nhân tố như gió mùa, dải hội tụ nhiệt đới, địa hình... | 0,25 |
| - Gió mùa mùa hạ  + Đầu mùa hạ: Gió tây nam vịnh Bengan (TBg) gây mưa lớn cho Tây Nguyên, Nam Bộ; do dãy Trường Sơn và các dãy núi dọc biên giới Việt - Lào chắn gió, gây khô nóng cho ven biển Trung bộ, phía nam Tây Bắc. | 0,25 |
| + Giữa và cuối mùa hạ: gió mùa Tây Nam gây mưa lớn và kéo dài cho Nam Bộ, Tây Nguyên và Miền Trung. | 0,25 |
| + Do hạ áp Bắc Bộ hút gió, gió này đổi hướng thành “gió mùa Đông Nam” gây mưa cho Bắc Bộ. | 0,25 |
| - Dải hội tụ: dải hội tụ nhiệt đới kết hợp với hoạt động của gió mùa Tây Nam là nguyên nhân chủ yếu gây mưa mùa hạ cho cả hai miền Nam, Bắc và mưa tháng IX cho Trung Bộ.  *(HS có thể trình bày cụ thể như sau:*  *+ Đầu mùa hạ: dải hội tụ hình thành do Tín phong và gió mùa tây nam TBg, hướng kinh tuyến, gây mưa đầu mùa cả nước, mưa lớn Tây Nguyên, Nam Bộ, mưa tiểu mãn miền Trung*  *+ Giữa và cuối mùa: dải hội tụ hình thành do Tín phong BCB và gió mùa Tây Nam, hướng vĩ tuyến vắt ngang qua lãnh thổ nước ta và lùi dần về xích đạo, gây mưa cả nước.)* | 0,5 |
| **4.**  **(3,0đ)** | ***a.*** | **Chứng minh Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có hai đặc điểm tự nhiên cơ bản là quan hệ mật thiết với nền Hoa Nam (về mặt cấu trúc địa chất - kiến tạo) và chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa đông bắc** | ***2,0*** |
|  | *\* Quan hệ mật thiết với nền Hoa Nam về mặt cấu trúc kiến tạo*  - Trải qua lịch sử phát triển địa chất lâu dài, có cấu tạo địa chất mang tính chất của một nền cổ. | 0,25 |
| - Nằm ở rìa của khối nền cổ Hoa Nam nên vận động nâng lên yếu nên địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế. | 0,25 |
| - Hướng nghiêng địa hình của miền là cao TB thấp xuống ĐN. | 0,25 |
| - Hướng địa hình chủ yếu là hướng vòng cung. | 0,25 |
| *\* Chịu tác động mạnh nhất của gió mùa đông bắc*  **-** Do vị trí đón gió mùa đông bắc đầu tiên, địa hình thấp với cấu trúc hướng vòng cung. | 0,25 |
| - Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh  + Có nền nhiệt thấp nhất trong cả nước *(D/c: Trạm Lạng Sơn: Mùa đông lạnh từ 2-3 tháng nhiệt độ < 18 độ C; Nhiệt độ trung bình năm khoảng 21 độ C hoặc Hà Nội 23 độ C).****(d/c: cho 0,25 đ)*** | 0,5 |
| + Biên độ nhiệt cao nhất cả nước *(D/c: trên 10 độ C, Lạng Sơn và Hà Nội lần lượt là 13,7 và 12,5 độ C).* | 0,25 |
| ***b.*** | **Giải thích vì sao vùng núi phía Bắc thường xảy ra hiện tượng lũ quét?** | ***1,0*** |
|  | - Sông ngòi: Có mạng lưới sông suối dày đặc. | 0,25 |
| - Địa hình: Độ dốc lớn. | 0,25 |
| - Khí hậu: Lượng mưa lớn. | 0,25 |
| - Sinh vật: Lớp phủ thực vật suy giảm mạnh.  *( HS có thể nêu về địa chất được thay thế cho ý còn thiếu)* | 0,25 |
| **5.**  **(3,0đ)** | ***a.*** | **Chứng minh Đông Nam Bộ là vùng có trình độ đô thị hóa cao nhất nước ta. Di cư ảnh hưởng đến cơ cấu dân số theo giới và theo độ tuổi của Đông Nam Bộ trong những năm gần đây như thế nào?** | ***2,0*** |
|  | **\* Chứng minh** | ***1,5*** |
| - Số dân thành thị, tỉ lệ dân thành thị cao nhất. | 0,25 |
| - Số lượng đô thị không nhiều nhưng quy mô dân số các đô thị lớn nhất (d/c). | 0,25 |
| - Phân cấp đô thị: có 1 đô thị loại đặc biệt, còn lại là các đô thị loại 2, 3, 4…(d/c). | 0,25 |
| - Chức năng đô thị đa dạng, phân bố đô thị rộng khắp, tập trung hơn ở phía Nam (d/c). | 0,25 |
| - Cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng đô thị tốt nhất. | 0,25 |
| - Lối sống đô thị mở rộng. | 0,25 |
| \* **Di cư ảnh hưởng đến cơ cấu dân số của Đông Nam Bộ** | ***0,5*** |
| - Cơ cấu giới tính: do luồng nhập cư nhiều lao động nữ (tập trung nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất của các ngành công nghiệp nhẹ....) nên Đông Nam Bộ có tỉ số giới tính thấp. | 0,25 |
| - Cơ cấu dân số theo độ tuổi: do lao động nhập cư nhiều, đa số trong độ tuổi lao động nên làm tăng tỉ trọng dân số trong độ tuổi này. | 0,25 |
| ***b.*** | **Giải thích vì sao Tây Nguyên là vùng có số dân đô thị thấp nhất cả nước?** | ***1,0*** |
|  | - Do qui mô dân số nhỏ, mật độ dân số thấp. | 0,25 |
| - Dân cư phân bố phân tán trong không gian theo các vùng chuyên canh cây công nghiệp. | 0,25 |
| - Quá trình CNH diễn ra chậm. *(Kinh tế chậm phát triển)* | 0,25 |
| - Chức năng các đô thị chủ yếu là hành chính. | 0,25 |
| **6.**  **(3,0đ)** | ***a.*** | **Nhận xét và giải thích về thị trường xuất nhập khẩu của nước ta trong những năm gần đây?** | ***1,5*** |
|  | - Thị trường xuất nhập khẩu của Việt Nam ngày càng được mở rộng. Do xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa và hội nhập quốc tế *(hoặc do đường lối phát triển ngoại thương theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa).* | 0,5 |
| - Bạn hàng lớn nhất là khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, nhất là khu vực Đông Nam Á, Đông Á. Nguyên nhân: vị trí địa lí gần Việt Nam, nhiều nền kinh tế mới phát triển năng động. | 0,25 |
| - Thị trường châu Âu: là thị trường xuất nhập khẩu lớn và còn nhiều tiềm năng. | 0,25 |
| - Thị trường châu Mỹ có nhiều bước tiến đáng kể và đang được mở rộng, nhất là thị trường Hoa Kỳ. Nguyên nhân: Việt Nam và Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ. | 0,25 |
| - Ngoài ra Việt Nam còn phát triển ngoại thương với Ôxtrâylia, xuất khẩu sang châu Phi.  *(Hs có thể trình bày riêng thị trường xuất khẩu và nhập khẩu theo Atlat)* | 0,25 |
| ***b.*** | **Chứng minh rằng: Ngành thủy sản nước ta ngày càng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế.** | ***1,5*** |
|  | - Tỷ trọng đóng góp thủy sản trong cơ cấu khu vực I ngày càng tăng *(D/c: Năm 2000: 16,3%, 2007 là 26,4%).* | 0,5 |
| - Thủy sản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế nhiều địa phương ven biển *(D/c: tỉ trọng giá trị sản xuất thủy sản trong KVI trên 50% như: Cà Mau, Bạc Liêu, Bà Rịa – Vũng Tàu...)* | 0,25 |
| - Thủy sản là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta. | 0,25 |
| - Các vai trò khác  + Nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thực phẩm. | 0,25 |
| + Tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân. | 0,25 |
| **7.**  **(3,0đ)** | ***a.*** | **So sánh thế mạnh tự nhiên để phát triển công nghiệp và tình hình phát triển công nghiệp giữa vùng Bắc Trung Bộ với Duyên hải Nam Trung Bộ.** | ***2,0*** |
|  | **\* Thế mạnh tự nhiên**  - Giống nhau: Cả 2 vùng có nhiều thế mạnh phát triển công nghiệp. | 0,25 |
| - Khác nhau  + Khoáng sản: BTB giàu khoáng sản hơn DHNTB. | 0,25 |
| + Tiềm năng thủy điện: BTB lớn hơn DHNTB. | 0,25 |
| + Nguyên liệu nông lâm thủy sản: BTB chủ yếu từ nông nghiệp và lâm nghiệp, DHNTB chủ yếu từ thủy sản. | 0,25 |
| **\* Tình hình phát triển**  - Giống nhau: Quy mô các TTCN vừa và nhỏ; Cơ cấu chưa đa dạng; Phân bố dọc ven biển. | 0,25 |
| - Khác nhau  + Bắc Trung Bộ: Có 4 TTCN đều có quy mô nhỏ (dưới 9 nghìn tỉ đồng), cơ cấu ngành kém đa dạng hơn. | 0,25 |
| + DHNTB: Có 5 TTCN với quy mô vừa và nhỏ *(Đà Nẵng và Nha Trang từ 9- 40 nghìn tỉ đồng)*, cơ cấu ngành đa dạng hơn. | 0,25 |
| + GTSXCN phân theo tỉnh thì BTB nhỏ hơn DHNTB. | 0,25 |
| ***b.*** | **Giải thích vì sao Đồng bằng sông Hồng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế cả nước?** | ***1,0*** |
|  | - ĐBSH có vị trí địa lí đặc biệt quan trọng  + Tiếp giáp các vùng giàu tài nguyên, trung tâm miền Bắc, nhiều tỉnh, thành nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. | 0,25 |
| + Hà Nội là thủ đô của cả nước. | 0,25 |
| - Vùng đạt được nhiều thành tựu về kinh tế - xã hội  + Vùng trọng điểm về lương thực thực phẩm số 2 cả nước. | 0,25 |
| + Có nhiều đô thị và trung tâm công nghiệp lớn; Tập trung cơ sở hạ tầng, vật chất kĩ thuật quan trọng của nền kinh tế cả nước.  *(HS trình bày các nguyên nhân khác: Tài nguyên, dân cư – lao động... thì cho điểm nhưng không vượt quá số điểm của ý này).* | 0,25 |
| **Tổng điểm toàn bài thi** | | | **20,0** |

............. HẾT ............